



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1973/TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

V/v Thực hiện công bố thông tin
Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM.
- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM.
- Điện thoại: (08) 38 558 563 Fax: (08) 39 557 977

2. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Mươi - Giám đốc.

- Địa chỉ: Chung cư ICON 56 Bến Vân Đồn, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh

3. Loại thông tin công bố:

- 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

4. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện Khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) công bố thông tin về báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

5. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 22/03/2022 tại đường dẫn: www.capnuoctanhhoa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận

- Như trên.
- Lưu: VT.TCHC

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIAM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
M.S.D.N: 03
Q. TÂN PHÚ - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Mươi

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2.	Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 – 08
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6.	Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 – 30
7.	Phụ lục 01 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/10/2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/06/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022 : 50.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là THW.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 3955 5840

Fax : (08) 3955 7977

Mã số thuế : 0 3 1 0 3 5 0 0 6 8

3. Ngành nghề hoạt động

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.

Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);

- Cho thuê xe có động cơ.

Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải (mã ngành 7710);

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 7730).

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch	16/06/2020	-
Ông Nguyễn Mური	Thành viên	26/01/2022	-
Ông Phạm Khương Thảo	Thành viên	-	26/01/2022
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	16/06/2020	-
Ông Lê Minh Châu	Thành viên	16/06/2020	-
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên	16/06/2020	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng ban	05/11/2022	-
Ông Vũ Khánh Trùng Dương	Trưởng ban	-	05/11/2022
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	16/06/2020	-
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên	16/06/2020	-

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Mური	Giám đốc	26/01/2022	-
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	-	26/01/2022
Ông Trương Tấn Quốc	Phó Giám đốc	-	26/01/2022
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc kinh doanh	01/08/2021	-
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	19/04/2022	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	01/01/2020	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 26/01/2022 là ông Phạm Khương Thảo – Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 26/01/2022 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Mური – Giám đốc

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Ban Giám đốc



NGUYỄN MƯỜI

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023.



Số: 2122/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh trong Thuyết minh Báo cáo tài chính như sau:

Tại thuyết minh V.17, đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. HCM được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong năm, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế quận Tân Phú, tiền thuê đất phát sinh trong năm đã nộp là 160.527.600 đồng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.002.665.848	110.029.165.935
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	5.967.766.268	26.464.733.730
111	1. Tiền		3.967.766.268	1.464.733.730
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	25.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	39.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		40.766.698.478	60.180.796.194
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	37.644.877.579	56.470.436.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	95.295.000	325.631.460
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.026.525.899	3.384.727.893
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	17.268.201.102	12.367.112.788
141	1. Hàng tồn kho		17.268.201.102	12.367.112.788
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	16.523.223
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	16.523.223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.836.053.847	10.233.038.744
220	II. Tài sản cố định		6.342.192.981	8.936.440.688
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	5.955.218.171	7.342.160.245
222	- Nguyên giá		22.837.666.900	21.714.668.210
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.882.448.729)	(14.372.507.965)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	386.974.810	1.594.280.443
228	- Nguyên giá		5.542.504.000	5.542.504.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.155.529.190)	(3.948.223.557)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		493.860.866	1.296.598.056
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	427.177.370	1.229.914.560
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	V.6	66.683.496	66.683.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		109.838.719.695	120.262.204.679



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		51.124.819.144	63.161.944.853
310	I. Nợ ngắn hạn		51.124.819.144	63.161.944.853
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	27.066.688.756	31.934.738.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	723.134.904	1.680.186.191
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	4.202.404.525	6.447.465.572
314	4. Phải trả người lao động	V.13	11.811.911.981	19.382.051.979
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	4.376.348.562	1.561.861.393
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	2.944.330.416	2.155.641.018
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.16	58.713.900.551	57.100.259.826
410	I. Vốn chủ sở hữu		58.713.900.551	57.100.259.826
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.553.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(27.200.000)	(27.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.409.526.290	1.146.479.898
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.238.021.261	5.887.426.928
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(420.640.000)	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.658.661.261	5.887.426.928
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		109.838.719.695	120.262.204.679

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





HỒ NGỌC PHÔI

NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN

NGUYỄN MƯỜI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	162.112.213.059	151.288.129.484
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		162.112.213.059	151.288.129.484
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	132.220.834.524	127.417.207.992
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.891.378.535	23.870.921.492
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.496.119.519	1.183.624.321
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	21.630.370.742	17.232.281.482
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.757.127.312	7.822.264.331
31	11. Thu nhập khác	VI.5	1.478.719.947	537.102.455
32	12. Chi phí khác		1.256.647.259	816.551.398
40	13. Lợi nhuận khác		222.072.688	(279.448.943)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.979.200.000	7.542.815.388
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	2.320.538.739	1.655.388.460
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.658.661.261	5.887.426.928
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	818	636

Người lập biểu



HÒ NGỌC PHÔI

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



NGUYỄN MƯỜI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.979.200.000	7.542.815.388
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.233.595.995	2.771.270.499
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8; V.9	3.717.246.397	3.952.146.394
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3; VI.5	(1.483.650.402)	(1.180.875.895)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.212.795.995	10.314.085.887
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		19.959.919.569	8.834.284.524
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.901.088.314)	274.095.925
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(12.704.702.857)	505.701.319
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		802.737.190	(255.060.725)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(2.294.927.720)	(1.069.027.474)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.307.511.138)	(1.501.981.839)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.767.222.725	17.102.097.617
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.268.486.959)	(1.588.725.500)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	5.772.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.1	(44.000.000.000)	(14.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	16.000.000.000	17.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		954.351.772	1.554.563.440
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.314.135.187)	2.971.610.667
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) cho chủ sở hữu	V.16	(2.950.055.000)	(2.950.862.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.950.055.000)	(2.950.862.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(20.496.967.462)	17.122.845.784
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	26.464.733.730	9.341.887.946
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	5.967.766.268	26.464.733.730

Người lập biểu

Kế toán trưởng


HỒ NGỌC PHÔI


NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN



NGUYỄN MƯỜI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.
Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);
- Cho thuê xe có động cơ.
Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải (mã ngành 7710);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bộ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 7730).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

5. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 307 người (tại ngày đầu năm là 317 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp);
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng có thời gian khấu hao ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính từ 03-08 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá (vật tư ngành nước)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch, gắn đồng hồ nước, thay đồng hồ nước...)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng (doanh thu lắp đặt ống cái, di dời đồng hồ nước)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Công ty tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

*Các loại thuế khác theo quy định hiện hành hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.***15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

17. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm nay được trình bày lại theo số liệu trên Thông báo kết quả kiểm toán số 1705/TB-KV IV của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV ngày 30/12/2022. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
C. Nợ phải trả	300	62.741.304.853	63.161.944.853	420.640.000
I. Nợ ngắn hạn	310	62.741.304.853	63.161.944.853	420.640.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.552.625.572	6.447.465.572	(105.160.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.036.061.393	1.561.861.393	525.800.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	57.520.899.826	57.100.259.826	(420.640.000)
I. Vốn chủ sở hữu	410	57.520.899.826	57.100.259.826	(420.640.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.308.066.928	5.887.426.928	(420.640.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	6.308.066.928	5.887.426.928	(420.640.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	120.262.204.679	120.262.204.679	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước	Chênh lệch
		(1)	trình bày lại (2)	
				(3) = (2) - (1)
Chi phí khác	32	290.751.398	816.551.398	525.800.000
Lợi nhuận khác	40	246.351.057	(279.448.943)	(525.800.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.068.615.388	7.542.815.388	(525.800.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.760.548.460	1.655.388.460	(105.160.000)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.308.066.928	5.887.426.928	(420.640.000)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	720	636	(84)

Các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước	Chênh lệch
		(1)	trình bày lại (2)	
				(3) = (2) - (1)
Lợi nhuận trước thuế	01	8.068.615.388	7.542.815.388	(525.800.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.839.885.887	10.314.085.887	(525.800.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu	11	(20.098.681)	505.701.319	525.800.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.022.195	18.101.084
Tiền gửi ngân hàng	3.964.744.073	1.446.632.646
Các khoản tương đương tiền ^(*)	2.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	5.967.766.268	26.464.733.730

^(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% - 8,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan</i>	36.769.710.217	54.361.001.214
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	36.769.710.217	54.361.001.214
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i>	875.167.362	2.109.435.627
Cộng	37.644.877.579	56.470.436.841

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	95.295.000	325.631.460
- Công ty TNHH TM-ĐT-XD Hưng An	56.295.000	175.643.000
- Các đối tượng khác	39.000.000	149.988.460
Cộng	95.295.000	325.631.460

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền thuế GTGT chưa đủ điều kiện được khấu trừ	2.095.059.288	2.975.065.554
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	829.389.042	300.090.412
- Tạm ứng	78.757.979	94.098.979
- Khác	23.319.590	15.472.948
Cộng	3.026.525.899	3.384.727.893

6. Hàng tồn kho, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	17.268.201.102	-	12.367.112.788	-
- Nguyên liệu, vật liệu	16.868.864.029	-	12.007.267.400	-
- Công cụ, dụng cụ	93.687.552	-	74.418.116	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	305.649.521	-	285.427.272	-
Cộng	17.268.201.102	-	12.367.112.788	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (*)	66.683.496	-	66.683.496	-

(*) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phần mềm bản quyền	81.604.939	509.855.727
- Chi phí phân bổ dài hạn khác	345.572.431	720.058.833
Cộng	427.177.370	1.229.914.560

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.229.914.560	956.889.441
Tăng trong năm	358.769.094	1.134.932.000
Phân bổ trong năm	(1.161.506.284)	(861.906.881)
Số cuối năm	427.177.370	1.229.914.560

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
1. Nguyên giá					
Số đầu năm	612.250.160	9.180.124.050	5.160.467.480	6.761.826.520	21.714.668.210
Tăng trong năm	-	694.000.000	-	428.998.690	1.122.998.690
Mua trong năm	-	694.000.000	-	428.998.690	1.122.998.690
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	612.250.160	9.874.124.050	5.160.467.480	7.190.825.210	22.837.666.900
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	612.250.160	3.117.529.650	5.160.467.480	1.453.302.520	10.343.549.810
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	612.250.160	5.056.615.761	5.136.211.948	3.567.430.096	14.372.507.965
Tăng trong năm	-	1.316.280.344	24.255.532	1.169.404.888	2.509.940.764
Khấu hao trong năm	-	1.316.280.344	24.255.532	1.169.404.888	2.509.940.764
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	612.250.160	6.372.896.105	5.160.467.480	4.736.834.984	16.882.448.729
3. Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	4.123.508.289	24.255.532	3.194.396.424	7.342.160.245
Số cuối năm	-	3.501.227.945	-	2.453.990.226	5.955.218.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
1. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.542.504.000	5.542.504.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	5.542.504.000	5.542.504.000
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	4.315.624.000	4.315.624.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	3.948.223.557	3.948.223.557
Tăng trong năm	1.207.305.633	1.207.305.633
- Khấu hao trong năm	1.207.305.633	1.207.305.633
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	5.155.529.190	5.155.529.190
3. Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.594.280.443	1.594.280.443
Số cuối năm	386.974.810	386.974.810

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i>	16.263.683.085	20.210.602.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	16.263.683.085	20.210.602.000
<i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i>	10.803.005.671	11.724.136.700
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Đô thị Ánh Dương	1.534.945.406	634.646.000
- Công ty TNHH SX TM VT XD Thành Công	997.019.243	-
- Các đối tượng khác	8.271.041.022	11.089.490.700
Cộng	27.066.688.756	31.934.738.700

Số dư nợ phải trả người bán quá hạn đến thời điểm 31/12/2022 là 0 đồng.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	723.134.904	1.680.186.191
- Khách hàng ứng trước tiền đồng hồ nước	106.819.849	115.762.136
- Khách hàng ứng trước tiền kiểm định đồng hồ nước	34.654.000	49.362.000
- Khách hàng ứng trước tiền các dịch vụ khác	581.661.055	1.515.062.055
Cộng	723.134.904	1.680.186.191

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.476.622.842	-	7.006.651.606	(9.469.709.488)	3.013.564.960	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	970.842.730	-	2.320.538.739	(2.294.927.720)	996.453.749	-
- Thuế thu nhập cá nhân		- 16.523.223	1.419.578.834	(1.210.669.795)	192.385.816	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	160.527.600	(160.527.600)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	6.447.465.572	16.523.223	10.911.296.779	(13.139.834.603)	4.202.404.525	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.979.200.000	7.542.815.388
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.623.493.697	734.126.912
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.623.493.697	734.126.912
Thu nhập chịu thuế	11.602.693.697	8.276.942.300
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.320.538.739	1.655.388.460
Truy thu thuế TNDN	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.320.538.739	1.655.388.460

13. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người lao động	10.976.484.474	18.263.702.009
- Phải trả cán bộ quản lý	835.427.507	1.118.349.970
Cộng	11.811.911.981	19.382.051.979

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.051.600.000</i>	<i>525.800.000</i>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	1.051.600.000	525.800.000
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>3.324.748.562</i>	<i>1.036.061.393</i>
- Cổ tức	7.600.000	8.835.000
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.543.381	177.616.928
- Các khoản phải trả khác	3.220.822.181	847.061.465
Cộng	4.376.348.562	1.561.861.393

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	1.457.254.302	1.353.700.268	59.240.000	(549.991.000)	2.320.203.570
- Quỹ phúc lợi	698.386.716	1.353.700.268	-	(1.427.960.138)	624.126.846
- Quỹ thưởng ban điều hành	-	388.800.000	-	(388.800.000)	-
Cộng	2.155.641.018	3.096.200.536	59.240.000	(2.366.751.138)	2.944.330.416

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	65%	32.500.000.000	32.500.000.000
Các cổ đông khác	35%	17.500.000.000	17.500.000.000
Cộng	100%	50.000.000.000	50.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	8.835.000	10.877.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.948.820.000	2.948.820.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.948.820.000	2.948.820.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(2.950.055.000)	(2.950.862.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) trên lợi nhuận năm trước	(2.950.055.000)	(2.950.862.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	7.600.000	8.835.000

16d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.000	2.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000	2.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.998.000	4.998.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

16e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

16f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 003/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 như sau:

• Trích thường Ban điều hành	:	388.800.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.707.400.536
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	263.046.392
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông năm 2021 (5,9%)	:	2.948.820.000
Cộng	:	6.308.066.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Đất đặt trụ sở Công ty tại Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, tới thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong kì, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế quận Tân Phú, tiền thuê đất phát sinh trong kì đã nộp là 160.527.600 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch	107.066.438.601	94.040.190.078
- Doanh thu thay đồng hồ nước	30.501.514.338	31.473.428.288
- Doanh thu giảm thất thoát nước	11.544.473.742	12.241.629.302
- Doanh thu gắn ĐHN NĐ117	3.611.304.348	2.983.532.504
- Doanh thu lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường ĐHN	6.673.430.987	3.474.779.328
- Doanh thu khác	2.712.841.579	5.844.407.104
- Doanh thu chuyển nhượng vật tư	2.209.464	1.230.162.880
Cộng	162.112.213.059	151.288.129.484

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch	79.435.627.535	71.502.592.975
- Giá vốn thay đồng hồ nước	30.506.535.073	31.270.324.561
- Giá vốn giảm thất thoát nước	11.638.539.347	12.241.629.302
- Giá vốn gắn ĐHN NĐ117	3.611.304.348	2.983.372.301
- Giá vốn lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường ĐHN	4.866.721.914	2.649.652.241
- Giá vốn khác	2.160.009.453	5.549.453.658
- Giá vốn chuyển nhượng vật tư	2.096.854	1.220.182.954
Cộng	132.220.834.524	127.417.207.992

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.483.650.402	1.175.103.168
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.469.117	8.521.153
Cộng	1.496.119.519	1.183.624.321

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	6.627.792.376	6.602.130.485
- Thuế, phí, lệ phí và chi phí thuê đất	164.527.600	161.431.600
- Trợ cấp mất việc làm	71.133.750	102.585.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	645.668.100	586.971.000
- Chi phí bằng tiền khác	14.121.248.916	9.779.163.397
Cộng	21.630.370.742	17.232.281.482

5. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu phí đóng mở nước	993.023.680	125.092.440
- Cung cấp họa đồ, công trình ngầm	19.108.333	49.636.591
- Thu phí bấm chì khóa góc	35.446.269	40.633.694
- Kiểm định đồng hồ nước	27.281.774	13.738.764
- Thanh lý tài sản cố định	-	5.772.727
- Thu nhập khác	403.859.891	302.228.239
Cộng	1.478.719.947	537.102.455

6. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.658.661.261	5.887.426.928
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.570.174.173)	(2.707.400.536)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>(3.570.174.173)</i>	<i>(2.707.400.536)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.088.487.088	3.180.026.392
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.998.000	4.998.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	818	636

(*) *Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 003/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2022.*

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay tạm trích theo tờ trình 1815/Ttr-TH-KTTC ngày 17/03/2023 và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp tới.

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí vật liệu, đồ dùng	42.594.688.028	40.595.150.705
- Chi phí nhân công	70.380.049.348	70.247.817.865
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.717.246.397	3.952.146.394
- Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền khác	36.304.346.888	25.322.354.427
Cộng	152.996.330.661	140.117.469.391

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Tiền chi vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi gửi tiết kiệm trên 03 tháng cho vay	(44.000.000.000)	(14.000.000.000)
Cộng	(44.000.000.000)	(14.000.000.000)

2. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng	16.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	16.000.000.000	17.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thu nhập từ tiền lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành trong năm:

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Trần Thị Ngọc Luyên	Chủ tịch HĐQT	790.560.412	649.651.051
Ông Phạm Khương Thảo ⁽¹⁾	TV HĐQT kiêm Giám đốc	335.313.525	639.918.239
Ông Nguyễn Mười ⁽²⁾	TV HĐQT kiêm Giám đốc	491.993.389	-
Lê Trung Thành ⁽³⁾	Phó Giám đốc kinh doanh	493.779.495	123.767.782
Ông Trương Tấn Quốc ⁽⁴⁾	Phó Giám đốc	230.486.069	528.700.178
Ông Trần Công Lễ ⁽⁵⁾	Phó Giám đốc kinh doanh	116.487.022	405.064.527
Ông Nguyễn Trần Lam ⁽⁶⁾	Phó Giám đốc	242.344.319	-
Ông Vũ Khánh Trùng Dương ⁽⁷⁾	Trưởng Ban Kiểm soát	472.648.553	518.302.017
Bà Hoàng Thị Xuân Trang ⁽⁸⁾	Trưởng Ban Kiểm soát	41.674.962	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế Toán Trưởng	538.802.517	482.485.497
Cộng		3.754.090.263	3.347.889.291

Trong đó:

⁽¹⁾ Ông Phạm Khương Thảo miễn nhiệm từ ngày 26/01/2022;⁽²⁾ Ông Nguyễn Mười được bổ nhiệm từ ngày 26/01/2022;⁽³⁾ Ông Lê Trung Thành được bổ nhiệm ngày 01/08/2021;⁽⁴⁾ Ông Trương Tấn Quốc miễn nhiệm từ ngày 26/01/2022;⁽⁵⁾ Ông Trần Công Lễ miễn nhiệm từ ngày 01/07/2021;⁽⁶⁾ Ông Nguyễn Trần Lam được bổ nhiệm từ ngày 19/04/2022;⁽⁷⁾ Ông Vũ Khánh Trùng Dương miễn nhiệm từ ngày 05/11/2022;⁽⁸⁾ Bà Hoàng Thị Xuân Trang được bổ nhiệm từ ngày 05/11/2022;**Thù lao của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành trong năm**

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Thanh Sứ	TV HĐQT	66.000.000	66.000.000
Ông Lê Minh Châu	TV HĐQT	66.000.000	66.000.000
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	TV HĐQT	66.000.000	66.000.000
Bà Trần Thị Thanh Tâm	TV BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Châu Giang	TV BKS	48.000.000	48.000.000
Cộng		360.000.000	360.000.000

2b Giao dịch và số đư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Chủ sở hữu	65%
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty thuộc Tổng Công ty	
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty thuộc Tổng Công ty	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Doanh thu	141.003.214.789	141.003.214.789
	+ Phân phối nước sạch	107.066.438.601	94.040.190.078
	+ Giảm thất thoát nước	11.544.473.742	12.241.629.302
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	34.112.818.686	34.456.960.792
	+ Tư vấn quản lý dự án	283.877.942	264.434.617
	Thu nhập khác	307.491.228	199.753.121
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Mua vật tư ngành nước	27.053.990.300	20.046.496.000
	Chi phí khác	212.030.348	53.600.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Mua hàng hóa và dịch vụ	38.763.420	37.757.280
	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.512.000	-

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư cuối năm của các bên liên quan :

Bên liên quan	Khoản mục	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Phải thu khách hàng	36.769.710.217	54.361.001.214
	+ Phân phối nước sạch	7.046.478.032	8.431.159.476
	+ Giảm thất thoát nước	7.382.303.840	9.243.354.432
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	19.644.568.127	34.188.272.628
	+ Lắp đặt trụ cứu hỏa	821.622.989	821.622.989
	+ Tư vấn quản lý dự án	301.932.787	214.913.256
	+ Phí bảo vệ môi trường	-	219.728.433
Người mua trả tiền trước	+ Thi công công trình	1.241.950.000	1.241.950.000
	+ Phải thu khác	330.854.442	-
	Phải trả người bán	16.263.683.085	20.210.602.000
	+ Mua vật tư ngành nước	16.161.091.812	20.182.602.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	+ Phải trả người bán khác	102.591.273	28.000.000
	Phải thu khác	495.558	14.563.970
	Phải trả khác	1.056.446.378	525.800.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	9.338.460

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của một bên khác vào ngày 31/12/2022.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

HỒ NGỌC PHÔI

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN

Giám đốc



NGUYỄN MƯỜI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	93.553.000	890.103.360	(27.200.000)	6.148.122.934	57.104.579.294
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.887.426.928	5.887.426.928
- Phân phối lợi nhuận	-	-	256.376.538	-	(6.148.122.934)	(5.891.746.396)
Tại ngày 31/12/2021	50.000.000.000	93.553.000	1.146.479.898	(27.200.000)	5.887.426.928	57.100.259.826
Tại ngày 01/01/2022	50.000.000.000	93.553.000	1.146.479.898	(27.200.000)	5.887.426.928	57.100.259.826
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.658.661.261	7.658.661.261
- Phân phối lợi nhuận(*)	-	-	263.046.392	-	(6.308.066.928)	(6.045.020.536)
Tại ngày 31/12/2022	50.000.000.000	93.553.000	1.409.526.290	(27.200.000)	7.238.021.261	58.713.900.551

(*) Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt chính thức việc phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 003/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022.

Người lập biểu



HÒ NGỌC PHÔI

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Giám đốc

NGUYỄN MƯỜI